TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BÀ RỊA** **TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 20/2023/HN-ST
Ngày: 16/3/2023
V/v: "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Chu Thị Thanh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Đê
2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên toà: Bà Võ Thị Như Điểm – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa nhân dân thành phố Bà Rịa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 446/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2022, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Kiều D, sinh năm 1992, địa chỉ: Tổ 9, khu phố S, phường Kim Dinh, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1991, địa chỉ: Tổ 9, khu phố S, phường Kim Dinh, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/11/2022, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Kiều D trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn C chung sống với nhau từ năm 2012, có đăng ký kết hôn cùng năm tại Uỷ ban nhân dân xã Đa Kơn, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng; hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại tổ 9, khu phố S, phường Kim Dinh, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Thời gian đầu, vợ chồng chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó nhanh chóng phát sinh nhiều mâu thuẫn và bất đồng. Đỉnh điểm vào năm 2018, khi bà D sinh con thứ hai, ông C không đi làm, không có

thu nhập để phụ giúp bà chăm lo con cái, gia đình thì vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng đến mức quyết định ly thân. Đến nay, đã nhiều năm vợ chồng không còn chung sống thực tế, tình cảm nguội lạnh nên bà yêu cầu được ly hôn với ông C.

Về con chung: Bà D xác định có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Hoàng Thiên L, sinh ngày 09/10/2012 và Nguyễn Nhã Thiên A, sinh ngày 22/5/2018. Bà D có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu ông C cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 27/02/2023, bị đơn - ông Nguyễn Văn C trình bày:

Ông và bà bà Trần Thị Kiều D sau thời gian tìm hiểu thì quyết định đi đến hôn nhân, bắt đầu chung sống từ năm 2012, có đăng ký kết hôn cùng năm tại UBND xã Đa Kơn, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng; hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới và được sự đồng ý của hai bên gia đình.

Quá trình chung sống, thời gian đầu, vợ chồng hạnh phúc. Đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt. Mặc dù cũng có tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm. Nay ông C nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không thể tiếp tục nên ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông C xác nhận có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Hoàng Thiên L, sinh ngày 09/10/2012 và Nguyễn Nhã Thiên A, sinh ngày 22/5/2018. Ông đồng ý nhường quyền trực tiếp nuôi cả hai con cho bà D. Bà D không yêu cầu cấp dưỡng cho con, ông cũng nhất trí và không có ý kiến gì khác.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục và các quy định theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên, bị đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý: Ngày 11/11/2022, bà Trần Thị Kiều D có đơn khởi kiện về việc xin ly hôn với ông Nguyễn Văn C; bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nên xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình về "tranh chấp ly hôn và con chung", thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Bà Rịa theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa tiến hành xét xử

vắng mặt các đương sự theo điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trần Thị Kiều D và ông Nguyễn Văn C chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 12/3/2012 theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 18, quyển số 01/2012 do UBND xã Đa Kơn, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng cấp; hôn nhân trên cơ sở tự nguyện nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, bà D và ông C đều xác định vợ chồng có xảy ra những mâu thuẫn liên quan đến quan điểm về hôn nhân, tính cách, trách nhiệm chung của vợ chồng trong gia đình, sự quan tâm, chia sẻ, … Mâu thuẫn nghiêm trọng không thể hàn gắn, khắc phục được đến mức vợ chồng ly thân nhiều năm, đến nay tình cảm nguội lạnh, mỗi người đều có cuộc sống riêng nên đều nhất trí ly hôn.

Từ đó xác định mâu thuẫn giữa bà D và ông C là có thật, không thể hàn gắn và khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được. Đối chiếu quy định tại Điều 19, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, yêu cầu ly hôn của bà D đối với ông C là có cơ sở nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung:

Theo sự xác nhận của các đương sự, bà D và ông C có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Hoàng Thiên L, sinh ngày 09/10/2012 và Nguyễn Nhã Thiên A, sinh ngày 22/5/2018 thể hiện tại Giấy khai sinh số 204, quyển số 02/2012 do UBD xã Đa Kơn, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng cấp và Giấy khai sinh số 120 do UBND phường Kim Dinh, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp. Xét sự thống nhất của ông C, bà D, phù hợp với nguyện vọng của con chung, giao cả hai cháu Thiên L và Thiên A cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà D không yêu cầu cấp dưỡng cho con, ông C không có ý kiến gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không ai yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà D phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 227, 228, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 hướng dẫn mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kiều D.

1. Về hôn nhân: Bà Trần Thị Kiều D ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Hoàng Thiên L, sinh ngày 09/10/2012 và Nguyễn Nhã Thiên A, sinh ngày 22/5/2018. Giao hai cháu Thiên L và Thiên A cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng; ông C không cấp dưỡng cho con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không ai yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Trần Thị Kiều D phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004972 ngày 23/11/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Bà Rịa. Như vậy, bà D đã thi hành xong án phí.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
-VKSND thành phố Bà Rịa;
- TAND Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
-THADS thành phố Bà Rịa;
- UBND X.Đa Kơn, H. Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng;
-Các đương sự;
-Lưu: Hồ sơ, VP.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Chu Thị Thanh Tâm